

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ H
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2022/HS-ST**
Ngày: 19/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hoa

Ông Đặng Khải

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh H tham gia phiên tòa: Bà Phan Minh Phương - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 18, 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh H mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/HSST-QĐ ngày 27/7/2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc A; sinh năm 1985; nơi sinh: thị xã H, tỉnh H; nơi cư trú: Thôn M, xã A, thị xã H, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh H và bà Đặng Thị B – Sinh năm: 1961; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/12/2021; có mặt.

2. Trần Thị B; sinh năm 1968; nơi sinh: Thị xã H, tỉnh H; nơi cư trú: Thôn T, xã A, thị xã H, tỉnh H; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần K (Đã chết) và bà Phạm Thị N (Đã chết); chồng Nguyễn Phi V (Đã ly hôn); có 04 con lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/01/2022; có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Lê Quang N – Sinh năm: 1972 - Nơi cư trú: Tổ 21 thôn N, xã N, thành phố T, tỉnh H. Vắng mặt.

2. Bà Lê Thị Nguyệt A – Sinh năm: 1982 - Nơi cư trú: Thôn M, xã A, thị xã H, tỉnh H. Vắng mặt.

3. Bà Huỳnh Trần Thùy D – Sinh năm: 1990 - Nơi cư trú: Thôn L, xã L, thị xã H, tỉnh H. Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Thùy D – Sinh năm: 1989 - Nơi cư trú: Thôn T, xã Ninh A, thị xã H, tỉnh H. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị Thùy C – Sinh năm: 1969 - Nơi cư trú: Thôn S, xã T, thị xã H, tỉnh H. Vắng mặt

2. Bà Nguyễn Thị Thúy H – Sinh năm: 2005

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trường T - Sinh năm 1979

Cùng cư trú: thôn K, xã L, thị xã H, tỉnh H. Vắng mặt

- Người làm chứng:

1. Ông Trần Công M – Sinh năm: 1976 - Nơi cư trú: Thôn N, xã T, thị xã H, tỉnh H. Vắng mặt.

2. Ông Phạm Hồng Q – Sinh năm: 1992 - Nơi cư trú: Thôn D, xã T, thị xã H, tỉnh H. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Trọng K – Sinh năm: 2005 - Nơi cư trú: thôn M, xã A, thị xã H, tỉnh H. Vắng mặt.

4. Cháu Nguyễn Trường T – Sinh năm: 2006

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trường T - Sinh năm 1979

Cùng cư trú: thôn K, xã L, thị xã H, tỉnh H. Vắng mặt.

5. Bà Huỳnh Thị Thanh Hiền – Sinh năm 1984 - Nơi cư trú: Thôn C, xã T, thị xã H, tỉnh H. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 28/12/2021 Nguyễn Ngọc A nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên thuê ông Lê Quang N là người chạy xe mô tô Grab chở từ T ra nhà máy đóng tàu V thuộc thị xã H và ngược lại với giá tiền thỏa thuận là 550.000đ. Trên đường đi, để tạo lòng tin với N nên A nói mình đang làm ở một công ty trên đường P, thành phố T cần đến H để giải quyết công việc và hỏi mượn N 200.000đ để mua linh kiện, hứa sẽ trả lại khi về đến T, ông N tin tưởng và đưa tiền. Khi đến thị xã H, P nói Nguyên chở ra khu vực thôn S, xã A, thị xã H để xử lý việc riêng, đến nơi A tiếp tục vờ hỏi mượn điện thoại di động của ông N để chụp ảnh gửi cho công ty. Khi ông N đưa điện thoại di động loại Oppo Reno5 cho A thì

A đi nhanh vào khu đường đất, ông N biết mình bị lừa nên truy hô thì được người dân đuổi theo bắt giữ giao A cho Công an xã giải quyết.

Theo Kết luận định giá tài sản số 131/KL-HĐĐG ngày 31/12/2021 trong tố tụng hình sự thị xã H xác định: Điện thoại Oppo Reno5 trị giá 6.416.375đ (Sáu triệu bốn trăm mười sáu nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng).

Qua điều tra xác định, Nguyễn Ngọc A còn nhiều lần khác thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn thị xã Ninh Hòa, cụ thể:

Vụ 01: Khoảng 13 giờ ngày 02/12/2021, Nguyễn Ngọc A điều khiển xe mô tô mượn của Trần Thị B đến quán phở của chị Lê Thị Nguyệt A ở thôn M, xã A. Thấy con chị A đang coi quán nên A vờ hỏi sạc nhờ điện thoại rồi lén lút lấy 01 điện thoại di động hiệu VIVO của chị A để gần đó rồi tìm cơ hội bỏ đi. Điện thoại lấy được A đem về đưa cho Trần Thị B sử dụng. Sau đó, B nhìn thấy hình ảnh của bà A trong điện thoại thì hỏi và biết điện thoại do A trộm cắp mà có nhưng vẫn tiếp tục sử dụng.

Vụ 02: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 08/12/2021, Nguyễn Ngọc A đi xe buýt từ T ra tới ngã ba C thuộc thôn L, xã L, A xuống xe đi bộ thì phát hiện xe mô tô loại Wave RSX biển số 79H1-74524 của chị Trần Thị Thùy D dựng trong sân nhà không có người trông coi nên vào lấy trộm dắt đi, sau đó A đón xe khách đưa xe mô tô về khu vực ngã 4 B thuộc xã A sửa nổ máy rồi chạy đến gần trạm xá xã S gọi điện cho Trần Thị B hỏi nơi bán xe. Tám biết bà Huỳnh Thị Thùy C ở thôn S, xã T, thị xã H đang có nhu cầu mua xe cũ nên dẫn A đi. Đến nơi, A nói dối xe mô tô là của bạn do thua tiền cá độ bóng đá nên không có giấy tờ cần bán rẻ, bà C tin và đồng ý mua với giá 3.500.000đ. Trên đường về A nói cho B biết xe mô tô là do trộm cắp mà có và đưa tiền cho B cất giữ, cùng sử dụng chung.

Vụ 03: Khoảng 20 giờ ngày 15/5/2020, Nguyễn Ngọc A vào quán cắt tóc LL thuộc P, phường G vờ hỏi cắt tóc. Lợi dụng sơ hở của chủ tiệm, A lén lấy 01 túi xách của chị Nguyễn Thị Thùy D đem ra bên cạnh lấy tiền, thẻ ATM và chứng minh nhân dân cất giấu rồi bỏ lại túi xách. Sau đó, A đón xe thô chở về ngã 4 B kiểm đếm được số tiền 3.300.000đ, còn các giấy tờ khác thì ném bỏ.

Vụ 04: Vào khoảng đầu tháng 12/2021, Nguyễn Ngọc A đi xe buýt từ T ra đến thôn T, xã L. A xuống xe đi bộ đến nhà ông Nguyễn Trường T ở thôn K, xã L gặp cháu Nguyễn Trường T - sinh năm 2006 (con ông T) vờ hỏi thăm và sạc nhờ điện thoại. Lợi dụng cháu T đang chơi game, A lén lấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung J3, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 của Nguyễn Thị Thúy H - sinh

năm 2005 (chị của T) rồi bỏ đi. Sau đó, A kiểm tra thấy điện thoại Iphone 6 bị hỏng nên ném bỏ, điện thoại Samsung A mang về cho Trần Thị B sử dụng, vài ngày sau do có mâu thuẫn với bà B nên A đập vỡ.

Ngoài ra, A khai nhận vào khoảng giữa tháng 12/2021 A còn trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Mobell tại khu vực thôn N, xã T, sau đó thấy điện thoại đã cũ và bị nứt nên ném bỏ nhưng chưa xác định được chủ sở hữu.

Đồng thời từ năm 2021 đến khi bị bắt giữ Nguyễn Ngọc A còn nhiều lần dùng thủ đoạn khác nhau chiếm đoạt tài sản của người khác tại khu vực T thuộc địa bàn huyện N. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã chuyển vật chứng và thông báo cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N để tiếp nhận điều tra theo thẩm quyền.

Theo Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG ngày 17/02/2022 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã H xác định:

- + Điện thoại Vivo Y11 có giá trị 2.494.444đ.

- + Xe mô tô hiệu Honda Wave RSX biển kiểm soát 79H1 – 745.24 có giá trị 16.023.611đ.

- + Điện thoại Iphone 6, điện thoại Samsung J3 có tổng giá trị 1.633.333đ.

- + Điện thoại hiệu Mobell không có căn cứ xác định đặc điểm, chủng loại, tình trạng sử dụng nên không có căn cứ định giá.

Tại bản cáo trạng số 43/CT-VKS-HS ngày 16/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân thị xã H đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc A về tội "Trộm cắp tài sản" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 173 và 174 Bộ luật hình sự; Trần Thị B về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc A; Trần Thị B theo tội danh, khung hình phạt như trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Ngọc A. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc A từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Ngọc A. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc A từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Ngọc A từ 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thị Tám.

Xử phạt bị cáo Trần Thị B từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Về phần dân sự: Ông Lê Quang N, bà Lê Thị Nguyệt A, bà Huỳnh Trần Thùy D không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Nguyễn Thị Thùy D yêu cầu bị cáo Nguyễn Ngọc P bồi thường 5.000.000đ, bị cáo đồng ý bồi thường nên ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo Nguyễn Ngọc A và bị hại Nguyễn Thị Thùy D. Nguyễn Thị Thúy H yêu cầu bị cáo Nguyễn Ngọc A bồi thường 3.000.000đ, bị cáo A đồng ý bồi thường nên ghi nhận tự nguyện bồi thường của bị cáo A.

Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động Oppo Reno5, 01 điện thoại di động Vivo Y11, 01 xe mô tô 79H1-745.24 cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu nên không xem xét.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt. Việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Ngọc A và Trần Thị B đã khai nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết luận của Kiểm sát viên. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc A đã thực hiện có đủ các yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Trần Thị B đã thực hiện có đủ các yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Ngọc A tuy biết việc trộm cắp tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi cá nhân do cần tiền tiêu xài

nhưng lười lao động nên bị cáo nhiều lần lợi dụng sơ hở của bị hại để lén lút lấy trộm tài sản của bị hại có trị giá 21.818.055đ. Ngoài ra, bị cáo còn bằng thủ đoạn gian dối, đã chiếm đoạt của bị hại 200.000đ và 01 điện thoại của bị hại Lê Quang N trị giá 6.416.375đ. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì thế, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm để giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm trong xã hội.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Nguyễn Ngọc A trong quá trình điều tra cũng như xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn; ăn năn hối cải; nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

Bị cáo Trần Thị B tuy biết tài sản do bị cáo Nguyễn Ngọc A trộm cắp mà có, bị cáo không những không tố giác tội phạm mà vì lòng tham mà nhiều lần tiêu thụ tài sản trộm cắp. Tuy nhiên xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[3] **Về phần dân sự:** Bị hại Lê Quang N, bà Lê Thị Nguyệt A, bà Huỳnh Trần Thùy D không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xét. Bị hại Nguyễn Thị Thùy D yêu cầu bị cáo Nguyễn Ngọc A bồi thường 5.000.000đ, bị cáo đồng ý bồi thường nên ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo Nguyễn Ngọc A và bị hại Nguyễn Thị Thùy D. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thúy H yêu cầu bị cáo Nguyễn Ngọc A bồi thường 3.000.000đ, bị cáo A đồng ý bồi thường nên ghi nhận tự nguyện bồi thường của bị cáo A.

[4] **Về xử lý vật chứng:** 01 điện thoại di động Oppo Reno5, 01 điện thoại di động Vivo Y11, 01 xe mô tô 79H1-745.24, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc A, Trần Thị B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo Trần Thị B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Trong vụ án này, bà Huỳnh Thị Thùy C có hành vi mua xe mô tô 79H1 – 745.24 từ Nguyễn Ngọc A nhưng không biết rõ tài sản do phạm tội mà có nên không chịu trách nhiệm hình sự.

Nguyễn Ngọc A có hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, 01 điện thoại di động hiệu Samsung J3 nhưng chưa đủ định lượng nên hành vi không cấu thành tội phạm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H chuyển cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Ngọc A.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thị B.

Căn cứ Điều 106, 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Ngọc A 02** (Hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 (Một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành là 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/12/2021.

2. Xử phạt: Bị cáo **Trần Thị B** (09) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về phần dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại giữa bị cáo Nguyễn Ngọc A và bị hại Nguyễn Thị Thùy D. Bị cáo Nguyễn Ngọc A phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Thùy D 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo Nguyễn Ngọc A cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thúy H. Bị cáo Nguyễn Ngọc A phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thúy H 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc A phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Trần Thị B phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- Sở Tư pháp tỉnh H;
- VKSND thị xã H;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã H;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã H;
- Nhà tạm giữ Công an thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Nguyệt

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Tòa án nhân dân Tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa.
- Công an thị xã Ninh Hòa;
- Thi hành án Hình sự thị xã Ninh Hòa.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Nguyệt

- Chi cục THA DS thị xã Ninh Hòa;
- Lưu hồ sơ, án văn.